TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:110 /2022/HS- ST
Ngày 28-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim

Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/2022/TLST- HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Đoàn Thị M, sinh năm 1989; huyện V, tỉnh Bắc Giang

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn H; và bà: Nguyễn Thị N; có chồng: Nguyễn Văn Q và 03 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2019; **tiền án, tiền sự, nhân thân:** không

Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh 1976; cư trú tại: Thôn Ph, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn H, sinh 1966; cư trú tại: Thôn Ph, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị Thu Tr (vắng mặt).

2. Chị Giáp Thị L (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Xuân Qu (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn Q (vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02/2021, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956, trú tại thôn N1, xã N2, huyện V, tỉnh Bắc Giang là mẹ đẻ của Đoàn Thị M, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang hỏi vay M số tiền 300.000.000 đồng để trả nợ. Do không có tiền, M đến gặp chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 ở thôn Ph, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng. Chị H1 yêu cầu M phải có tài sản thế chấp mới cho vay tiền. Do không có tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay, M nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên M (Gọi tắt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để thế chấp vay tiền. M dùng tài khoản Facebook "Đoàn M" của mình, truy cập vào các trang mạng đăng thông tin mua bán nhà đất tìm hình ảnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin thật để đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin tương tự nhưng người thông tin chủ sở hữu sẽ mang tên M. M tìm được hình ảnh mặt trong của 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một giấy có thông tin: "thửa đất lô số 16, tờ bản đồ số: sơ đồ phân lô, địa chỉ ở khu dân cư Quảng Trường B, V, Bắc Giang. Diện tích: 126 m^2. Hình thức sử dụng: sử dụng riêng. Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (ODT). Thời hạn sử dụng: lâu dài. Nguồn gốc sử dụng: ODT: cấp lần 1, Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Giao theo QĐ trúng đấu giá số 4095/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện. Giấy chứng nhận đề ngày 19/11/2017, phần chữ ký ghi "TM.UBND HUYỆN V-KT.CHỦ TỊCH-PHÓ CHỦ TỊCH-Nguyễn Văn Ph" (đã có chữ ký), dấu đỏ của UBND huyện Việt Yên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thứ hai có thông tin: "thửa đất lô số 5-N02, tờ bản đồ số: sơ đồ phân lô, địa chỉ: khu dân cư đường Nguyễn Thế Nh, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Diện tích: 100 m^2. Hình thức sử dụng: sử dụng riêng. Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (ODT). Thời hạn sử dụng: lâu dài. Nguồn gốc sử dụng: ODT: cấp lần 1, Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Giao theo quyết định trúng đấu giá số 1197/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND huyện V. Giấy chứng nhận đề ngày 14/6/2019, phần chữ ký ghi "TM.UBND HUYỆN V-KT.CHỦ TỊCH-PHÓ CHỦ TỊCH-Nguyễn Văn Ph" (đã có chữ ký), dấu đỏ của UBND huyện V nên chụp ảnh lưu lại để đặt làm giả. Sau đó, M tiếp tục truy cập vào mạng xã hội tìm người làm các giấy tờ giả, thấy có tài khoản Facebook (M khai không còn nhớ và không lưu giữ thông tin) đăng bài nhận làm các giấy tờ giả. M dùng ứng dụng Messeger từ tài khoản Facebook của mình gửi vào tài khoản Facebook nhận làm giấy tờ giả hình ảnh 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên rồi đặt làm 02 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin thửa đất tương tự như hình ảnh Mến gửi nhưng tên chủ sở hữu mang tên "Đoàn Thị M, sinh năm 1989, số chứng minh nhân dân:121716316, địa chỉ thường trú: thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang" và 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất có con dấu tròn màu đỏ của Ủy ban nhân dân thị trấn B có chữ ký của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B là ông Nguyễn Xuân Qu đối với hai thửa đất trên. Tài khoản Facebook nhận làm giả giấy tờ đồng ý, thỏa thuận sẽ làm cho M 02 bộ giấy tờ giả, mỗi bộ gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất theo các thông tin M yêu cầu, giá 6.000.000 đồng/bộ, hẹn 03 ngày sau sẽ giao các giấy tờ giả cho M và nhận tiền qua xe khách tại ngã tư Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 03 ngày sau, M đến đoạn đường ở ngã tư Đ như đã hẹn thì được một người đàn ông đi từ trên xe khách xuống (M khai không biết tên tuổi, địa chỉ và không nhớ biển số xe) đưa cho M phong bì bên trong đựng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giả như M yêu cầu rồi M đưa cho người này 12.000.000 đồng. Sau đó, M thấy 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất có đóng dấu Ủy ban thị trấn B, có chữ ký và dấu chức danh Chủ tịch Ủy ban mang tên ông Nguyễn Xuân Qu nhưng chưa điền thông tin trên giấy của hai thửa đất trên nên M tự điền các thông tin của chủ sở hữu mang tên M và các các thông tin còn lại của 02 thửa đất nêu trên vào 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giả.

Sau đó, trong khoảng thời gian từ tháng 2/2021 đến tháng 6/2021, M 05 lần dùng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giả nêu trên thế chấp cho chị H1 để vay tổng số tiền 1.400.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay đến tháng 12/2021 với mục đích để đầu tư kinh doanh cửa hàng quần áo, cho mẹ đẻ là bà N vay trả nợ, cụ thể:

Từ tháng 02/2021 đến tháng 04/2021, M đều dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên thửa đất lô số 16 địa chỉ ở Quảng trường B, huyện V cùng đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giải của lô đất này thế chấp cho chị H1 vào 03 lần khác nhau để vay tổng số tiền 900.000.000 đồng (tháng 2/2021 vay 300.000.000 đồng, tháng 3/2021 vay 200.000.000 đồng, tháng 4/2021 vay 400.000.000 đồng).

Từ tháng 5/2021 đến tháng 6/2021, M tiếp tục dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên thửa đất lô số 5-N02 địa chỉ ở khu dân cư đường Nguyễn Thế Nh, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang cùng đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giải của lô đất này thế chấp cho chị H1 để vay tổng số tiền 500.000.000 đồng (tháng 5/2021 vay 300.000.000 đồng, tháng 6/2021 vay 200.000.000 đồng).

Sau khi vay tiền của chị H1, hàng tháng M vẫn trả nợ cho chị H1 theo thỏa thuận. Tháng 9/2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc kinh doanh của M gặp khó khăn, thua lỗ nên M chậm trả nợ so với thỏa thuận cho chị H1. Thấy vậy, ngày

01/10/2021, anh Phạm Văn H2, sinh năm 1966 (chồng chị H1) đem 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất do M thế chấp khi vay tiền đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân thị trấn B đề nghị xác minh tính hợp pháp. Sau khi tiếp nhận, chị Lê Thị Thu Tr, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố Tr, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang là công chức địa chính xây dựng của Ủy ban nhân dân thị trấn B nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đơn xác nhận tình trạng sử dụng đất do anh H2 bàn giao là giả nên báo cáo Chủ tịch Uỷ ban thị trấn là ông Nguyễn Xuân Qu, sinh năm 1969, trú tại tổ dân phố số 3, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang để xử lý theo quy định. Ngày 18/10/2021, chị Tr, ông Qu bàn giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ký hiệu A1, A2), 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất (ký hiệu A3, A4) tiếp nhận của anh H2 cho Công an thị trấn B điều tra, xác minh theo thẩm quyền.

Ngày 31/10/2021, Công an thị trấn B bàn giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất nêu trên cùng toàn bộ tài liệu có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 08/12/2021, Đoàn Thị M đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 16/12/2021, Cơ quan điều tra tiến hành cho Đoàn Thị M xem các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất do anh Hùng giao nộp, M xác nhận đúng là các giấy tờ M làm giả rồi đem thế chấp cho vợ chồng anh H2 để vay tiền.

Ngày 08/11/2021, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V, để xác minh chủ sở hữu đối với hai thửa đất trên. Kết quả xác minh, xác định thửa đất số 5-N02, địa chỉ: đường Nguyễn Thế Nh, thị trấn B, huyện V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1974, trú tại: số 173, đường H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, số phát hành CS 088310, số vào sổ CH01491 cấp ngày 14/6/2019. Ngày 15/7/2019, bà Ch đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Tuấn Nh, sinh năm 1966, trú tại: tổ dân phố T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đối với thửa đất lô số 16, địa chỉ ở khu dân cư Quảng Trường , B, V, Bắc Giang được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1962, địa chỉ ở số 278, đường X, phường Ng, thành phố B, số phát hành CQ071722, số vào sổ CH 03508, cấp ngày 19/12/2018, hiện thửa đất đã chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1989, trú tại số nhà 20, đường C, phường H, thành phố B. Hai thửa đất chưa bao giờ đứng tên Đoàn Thị M, tỉnh B cũng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã vạch.

Trong các ngày 05/11/2021, 11/11/2021, 12/11/2021, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Uỷ ban nhân dân huyện V, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Xuân Qu thu thập các mẫu chữ ký, dấu chức danh, dấu tròn đỏ của Ủy ban nhân dân thị trấn B, Ủy ban nhân dân huyện V để phục vụ công tác giám định (ký hiệu giám định M1 đến M20)

Ngày 27/12/2021, Cơ quan điều tra có Quyết định trưng cầu giám định số 473 gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định các chữ ký, chữ viết, con dấu trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất do anh H2 giao nộp cho Ủy ban nhân dân thị trấn B.

Kết luận số 2116/KL- KTHS ngày 28/12/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

"1. Phôi 02 (hai) "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cùng mang tên chủ sở hữu Đoàn Thị M; hình dấu tròn có nội "ỦY BAN N.D HUYỆN V T. BẮC GIANG" dưới mục "TM. UBND huyện V-KT. Chủ tịch- Phó chủ tịch" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu, nội dung không bị tẩy xóa, sửa chữa.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Ph dưới mục "TM. UBND huyện V-KT. Chủ tịch- Phó chủ tịch" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký của Nguyễn Văn Ph trên các tài liệu mẫu (Ký hiệu M1, từ M3 đến M16) là không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết bằng mực màu đen trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A3, A4) so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Thị M trên các tài liệu mẫu (Ký hiệu từ M21 đến M24) là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Xuân Qu dưới mục "Xác nhận của UBND xã (phường)" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A3, A4) so với chữ ký của Nguyễn Xuân Qu trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M17 đến M20) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D THỊ TRẤN B H. VT. BẮC GIANG", hình dấu chức danh có nội dung "CHỦ TỊCH- NGUYỄN XUÂN QU" dưới mục "Xác nhận của UBND xã (phường)" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A3, A4) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu."

Cáo trạng số 116/CT- VKS ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Đoàn Thị M về tội " *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Bị cáo trình bày thêm: Bị cáo vay chị H1, chị H1 nói phải có tài sản thế chấp. Do bị cáo không có

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay tiền nên bị cáo làm giả thuê người làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất. Việc bị cáo làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất để tiền của chị H1, mẹ và chồng của bị cáo không biết. Sau khi vay tiền của chị H1, bị cáo trả lãi đầy đủ và trả tiền vay đúng thời hạn. Bị cáo dùng giấy tờ giả để vay tiền của chị H1 không nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị H1. Đến nay, bị cáo đã trả toàn bộ tiền vay cho vợ chồng chị H1.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

Áp dụng điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị M từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, những người này có lời khai trong hồ sơ vụ án. Sự vắng mặt của những người trên không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Kết luận giám định số 2116/KL- KTHS ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng

02/2021, Đoàn Thị M có hành vi làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất đối với 02 thửa đất gồm: thửa đất lô số 16, địa chỉ ở khu dân cư Quảng Trường B, V, Bắc Giang và thửa đất lô số 5-N02, địa chỉ ở khu dân cư đường Nguyễn Thế Nh, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau đó, M 05 lần sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giả nêu trên, thế chấp cho chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 ở thôn Ph, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để vay tiền nhưng không có ý định chiếm đoạt số tiền vay của chị H1.

Cáo trạng số 116/CT- VKS ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Đoàn Thị M về tội " *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*, theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu, tài liệu mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] *Tình tiết giảm nhẹ*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, áp dụng điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] *Xét về hình phạt bổ sung*: Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Sau khi xem xét hành vi, động cơ, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần, áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Anh Nguyễn Văn Qu là chồng M, bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ M) và vợ chồng anh H2, chị H1 không biết việc M làm giả rồi sử dụng các giấy tờ giả nêu trên để đảm bảo khoản vay nên không vi phạm pháp luật. Đối với người M thuê làm giấy tờ giả và người giao giấy tờ giả cho M, M khai chỉ liên hệ qua ứng dụng Messeger, không biết tên, tuổi, địa chỉ, đã xóa các nội dung liên quan, không nhớ biển số xe khách và không biết người đưa giấy cho mình trên xe khách là ai nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra và đề nghị xử lý sau.

[8] Hành vi M dùng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giả thế chấp làm tin vay tiền chị H1. Tuy nhiên, M không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H1. Số tiền vay chị H1, M đã dùng vào đầu tư kinh doanh, cho mẹ ruột vay tiền, do làm ăn thua lỗ nên chậm trả, đến nay M đã trả chị H1 toàn bộ số tiền này. Do đó, hành vi thế chấp giấy tờ giả để vay tiền của M không cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" hay tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã trả tiền cho anh H2 và chị H1. Nay vợ chồng anh H2 và chị H1 không yêu cầu bị cáo trả tiền vay, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về vật chứng*: Chiếc điện thoại M sử dụng để đăng nhập mạng xã hội, liên lạc phục vụ việc làm giả giấy tờ, M khai bị hỏng nên đã vứt đi, không nhớ vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, 02 đơn xin xác nhận tình trạng thửa đất giả được đưa vào hồ sơ vụ án.

[11] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 , Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về điều luật áp dụng*:

Căn cứ điểm b, điểm c Khoản 2, khoản 4 Điều 341, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136, các Điều 292, 293, 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. *Về mức hình phạt*:

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị M 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án về tội : *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*.

Phạt bổ sung: 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo trả tiền vay cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử không xem xét.

4**.** *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt, tiền sung công quỹ nhà nước, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Lưu HS.VP;
-Công an V*;*
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND TT B**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương